

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 05/2021/DS-ST
Ngày 21-7-2021
“*v/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Việt và bà Tạ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biễn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2020/TLST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974. Có mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 15/01/2018 ông Nguyễn Văn Q có đến cửa hàng của tôi mua các vật dụng như tivi, tủ các loại, ống... để phục vụ cho gia đình với tổng tiền là 24.680.000 đồng, đã trả được một phần và còn nợ lại tôi 12.000.000 đồng. Ông Q có ký vào trong sổ nợ và hẹn ngoài sẽ thanh toán trả cho tôi trong thời hạn 06 tháng

kể từ ngày mua. Nhưng đến hẹn thì ông Q không trả nợ cho tôi, tôi cũng đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông Q, bà M trả nợ nhưng vợ chồng ông Q, bà M không trả.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện K buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M trả cho tôi số tiền mua hàng hóa còn nợ là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), tôi không yêu cầu tính lãi.

2. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M cố tình trốn tránh, không có mặt. Nên không có bản tự khai, trình bày hay ý kiến gì trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là: Ngày 15/01/2018, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M đã đến nhà bà H mua những đồ dùng để phục vụ sinh hoạt trong gia đình (bộ năng lượng mặt trời, ti vi, tủ chén, tủ áo, tủ nhựa DDT...) trị giá 24.680.000 đồng. Ông Q, bà M đã trả trước 12.680.000 đồng và còn nợ lại bà H 12.000.000 đồng. Ông Q hẹn bằng miệng 06 tháng sau kể từ ngày mua hàng sẽ trả nốt số tiền còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông Q và bà M không có mặt để thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của bà H.

Căn cứ vào giấy ghi nợ do bà H cung cấp xác định: Việc mua bán của hai bên là hoàn toàn có thật và hai bên có xác lập việc mua bán trên bằng văn bản trong sổ nợ mua hàng của bà H và ông Q cũng đã ký xác nhận. Do đó xác định Giấy hẹn nợ do bà H cung cấp là hợp đồng mua bán giữa bà H và ông Q, bà M. Bà H đã giao đủ hàng, ông Q và bà M đã trả được một nửa giá trị của số hàng hóa trên. Nhưng đến hẹn ông Q, bà M không trả hết số tiền còn lại. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu ông Q, bà M thanh toán số tiền còn lại và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 430, 434 của BLDS 2015; khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, buộc bị đơn ông Q, bà M trả cho bà H số tiền mua hàng còn lại là 12.000.000 đồng và không tính lãi suất.

Về án phí: Ông Q, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản quy định tại điểm 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M không đến Tòa án để viết bản tự khai, không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa và các hoạt động tố tụng khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và còn gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án

Căn cứ vào chứng cứ là “giấy hẹn nợ” được lập thành văn bản trên giấy kẻ ô ly vào ngày 15/01/2018 có chữ ký của ông Nguyễn Văn Q mà nguyên đơn bà Phạm Thị H đã cung cấp cho Tòa án, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định: vào ngày 15/01/2018 ông Nguyễn Văn Q có đến cửa hàng của bà H mua các vật dụng như tivi, tủ các loại, ống,... để phục vụ cho gia đình với tổng tiền là 24.680.000 đồng, đã trả được một phần và còn nợ lại bà H 12.000.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở tin rằng việc ông Nguyễn Văn Q có xác lập giao dịch dân sự với bà Phạm Thị H là có thật. Khi xác lập giao dịch mua bán tài sản là các vật dụng phục

vụ cho nhu cầu của gia đình: tivi, tủ, ồng... thì giữa các bên có viết giấy nợ để ông Q ký vào nhưng cũng không xác định thời gian trả nợ cụ thể, cho nên bà H có quyền yêu cầu ông Q phải trả nợ bất kỳ lúc nào nhưng phải báo trước cho ông Q một thời gian hợp lý theo quy định tại Điều 432 của Bộ luật dân sự. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả nợ nhưng ông Q không chịu trả. Do đó, việc bà H khởi kiện ông Q là đúng với quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280 của Bộ luật dân sự về thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Việc ông Q, bà M mua tài sản (hàng hóa) của bà H mặc dù do một mình ông Q xác lập, bà M không ký tên vào “giấy nợ” có nội dung nhận nợ mà bà H cung cấp cho Tòa án. Nhưng các tài sản mà ông Q, bà M mua của bà H với mục đích để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt chung và thiết yếu trong gia đình, bà M biết và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Vì vậy, bà M phải có nghĩa vụ liên đới với ông Q trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn bà H là phù hợp quy định pháp luật.

Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Q, bà M phải trả cho bà H số tiền nợ gốc đã mua hàng hóa tivi, tủ, ồng khóa,... còn lại là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

[4] *Về án phí*: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên bị đơn ông Q, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357, 430, 431, 433, 434 và 440 của Bộ luật dân sự 2015,

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. *Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ*: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền mua hàng hóa còn nợ là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. *Về án phí:* Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ liên đới nộp 12.000.000 đồng x 5% = 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007620 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/7/2021), còn bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03 bản);
- Tòa án tỉnh Gia lai (01 bản);
- VKSND h Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn